

Số: 1 /BC- LTT

Tiên Phước, ngày 12 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học,
Học kì I năm học 2025-2026

A. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

I. Quy mô mạng lưới trường, lớp

1. Tình hình học sinh

Trong năm học 2025-2026, nhà trường có 25 lớp với tổng số 880 học sinh, cụ thể:

- + Khối 6: 6 lớp, 211 học sinh.
- + Khối 7: 6 lớp, 222 học sinh.
- + Khối 8: 7 lớp, 245 học sinh.
- + Khối 9: 6 lớp, 202 học sinh.

Quy mô mạng lưới trường, lớp của nhà trường trong học kì I, năm học 2025-2026 cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn xã. Công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số được thực hiện khá hiệu quả, có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với chính quyền địa phương và các đoàn thể.

2. Thuận lợi

- Nhà trường nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND xã Tiên Phước trong công tác giáo dục, đặc biệt là phối hợp huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số và tạo điều kiện cho các hoạt động của nhà trường.

- Các ban, ngành, đoàn thể địa phương phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Nhà trường được UBND xã Tiên Phước quan tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí và huy động các nguồn lực xã hội hóa; cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên cơ bản đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao, tập thể đoàn kết, thống nhất.

- Phần lớn học sinh chăm ngoan, có ý thức học tập; đa số cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục con em.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn Chương trình GDPT 2018 cho cán bộ quản lý và giáo viên được triển khai đầy đủ, kịp thời, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

3. Khó khăn

- Dù đảm bảo số lượng, tuy nhiên đội ngũ giáo viên chưa thật sự ổn định còn phải đi dạy tăng cường, nhận dạy tăng cường từ đơn vị trường khác, 01 giáo viên được phòng Văn hóa xã hội biệt phái về thực hiện nhiệm vụ, phân môn Mỹ thuật chỉ có 01 giáo viên; số lượng giáo viên hợp đồng còn nhiều (11 giáo viên) nên một phần cũng ảnh hưởng đến công tác chuyên môn, việc phân công giảng dạy, bồi dưỡng và bố trí dạy thay.

- Trang thiết bị dạy học cho các khối lớp đã được cấp, nhưng do số lớp đông nên chưa đáp ứng yêu cầu về sử dụng thiết bị dạy học kịp theo Chương trình GDPT 2018.

- Một bộ phận cha mẹ học sinh đi làm ăn xa, việc quan tâm, quản lý học tập của học sinh còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất chưa đảm bảo để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Dãy 12 phòng học đã xuống cấp chưa được xây dựng mới.

II. Điều kiện đảm bảo thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học

1. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

a) Kết quả thực hiện

- Số phòng học đạt 01 phòng/ 2 lớp. Phòng học được xây dựng từ năm 1997 nên diện tích nhỏ so với quy định. Có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của GV; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có đủ các phòng chức năng theo quy định.

- Sân chơi, bãi tập (trong khuôn viên nhà trường) có diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, đảm bảo an toàn; khuôn viên trường xanh, sạch, đẹp; có hệ thống nước sạch, thoát nước, công trình vệ sinh đảm bảo yêu cầu, bố trí riêng cho giáo viên và học sinh, nam và nữ, nhưng diện tích khu vệ sinh học sinh chưa đảm bảo.

- Thiết bị dạy học theo Chương trình GDPT 2018 đã được trang bị cho các lớp, tuy nhiên thiết bị khối 8,9 còn rất ít; thiết bị được giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên, thuận tiện trong quá trình dạy học.

- 100% các phòng học được trang bị tivi có kết nối mạng Internet đảm bảo dạy học theo chương trình GDPT 2018.

- Phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình phổ thông 2018.

b) Tồn tại, hạn chế

- Chưa đủ số phòng học để nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày.

- Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 8 và lớp 9 chưa đầy đủ

- Nguyên nhân, giải pháp khắc phục

- Cấp trên chưa cấp thiết bị lớp 8, 9. Nhà trường sử dụng thiết bị sẵn có của chương trình giáo dục phổ thông 2006. Tuy nhiên một số thiết bị quá cũ, hư hỏng nhiều.

- Đề xuất, kiến nghị

Cấp trên nên cấp thiết bị dạy học lớp 8, 9 về cho nhà trường sớm và kịp thời để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường triển khai việc lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đối tượng học sinh.

- 100% học sinh được trang bị đầy đủ sách giáo khoa để phục vụ học tập; giáo viên có đủ sách giáo khoa, sách giáo viên và tài liệu hướng dẫn dạy học.

- Việc sử dụng tài liệu giáo dục địa phương được thực hiện nghiêm túc, lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục theo hướng dẫn, góp phần giáo dục truyền thống, văn hóa, lịch sử địa phương cho học sinh.

- Nhà trường thông báo đầy đủ, kịp thời đến phụ huynh học sinh về các loại sách giáo khoa và tài liệu học tập cần sử dụng trước khi bước vào năm học.

b) Tồn tại, hạn chế

Tài liệu giáo dục địa phương đã được điều chỉnh theo chủ trương sáp nhập tỉnh, tuy nhiên nội dung chưa thật sự đầy đủ, đồng bộ, nên việc khai thác và tổ chức dạy học còn gặp một số hạn chế.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

a) Kết quả thực hiện

- Cán bộ quản lý: Có 03 cán bộ quản lý: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Giáo viên: Tổng số giáo viên có 48 người (11 giáo viên hợp đồng). Đội ngũ giáo viên đảm bảo về cơ cấu, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy học. Đa số giáo viên có tuổi đời còn trẻ, nhiều thầy cô giáo tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm. Đội ngũ giáo viên cơ bản đủ để giảng dạy các môn học theo chương trình GDPT 2018.

- Nhà trường đã triển khai đầy đủ các kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý theo chỉ đạo của ngành, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Hoạt động sinh hoạt chuyên môn được duy trì thường xuyên, tập trung vào nghiên cứu bài học, xây dựng kế hoạch dạy học và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Cán bộ giáo viên tham dự 100% các lớp tập huấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề các cấp tổ chức.

- Trong học kì I các tổ chuyên môn đã tổ chức 04 lần sinh hoạt chuyên môn dựa trên NCBH đảm bảo đúng quy trình và cách thức tổ chức, thực hiện 04 chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số giáo viên còn gặp khó khăn trong việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực và tổ chức hoạt động trải nghiệm

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Thực hiện chương trình giáo dục trung học

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

a) Kết quả thực hiện

- Trong quá trình chuẩn bị cho năm học mới, thực hiện chỉ đạo của UBND xã về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, Hiệu trưởng đã tổ chức xây dựng kế hoạch theo đúng nội dung, quy trình đã được bồi dưỡng, tập huấn về Chương trình GDPT 2018. Trong quá trình triển khai, nhà trường đã kịp thời rà soát, điều chỉnh những nội dung còn thiếu sót, bổ sung một số nội dung chi tiết nhằm đảm bảo kế hoạch được xây dựng sát với điều kiện thực tế và đúng yêu cầu.

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được Hội đồng trường phê duyệt, công khai trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và đăng tải trên website của trường. Trong học kỳ, nhà trường triển khai thực hiện đúng kế hoạch đề ra; công tác dạy và học đi vào nền nếp, ổn định; các hoạt động giáo dục được tổ chức đảm bảo, việc phân công giảng dạy cơ bản hợp lý, phù hợp với tinh thần chỉ đạo thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT. Kế hoạch dạy học được xây dựng khoa học, đáp ứng mục tiêu Chương trình GDPT 2018, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường; đảm bảo dạy đủ các môn học, đủ số tiết và thực hiện đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

- Đối với môn Khoa học tự nhiên, nhà trường phân công giáo viên phù hợp với chuyên môn đào tạo; bố trí thời gian dạy học linh hoạt, sắp xếp thời khóa biểu cho cả năm học nhằm đảm bảo số tiết/tuần theo quy định.

- Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường phân công giáo viên phụ trách theo từng chủ đề, tổ chức theo khối, lớp tạo thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, hướng dẫn và đánh giá học sinh theo yêu cầu cần đạt. Đối với hoạt động Giáo dục địa phương, nhà trường phân công giáo viên có năng lực, chuyên môn phù hợp đảm nhận giảng dạy, chủ yếu là giáo viên Lịch sử và Địa lí.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo giáo viên dạy Lịch sử và Địa lí điều chỉnh kế hoạch môn học đảm bảo nội dung chương trình theo Thông

tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ giáo dục đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS. Đối với môn Lịch sử và Địa lí, việc phân công giảng dạy được thực hiện phù hợp với chuyên môn giáo viên theo từng phân môn và các chủ đề liên môn; các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kỳ.

b) Tồn tại, hạn chế

- Do chưa có giáo viên được đào tạo đúng chuyên môn, việc dạy học các môn tích hợp còn mang tính ghép môn, chưa thật sự đồng bộ; công tác đánh giá học sinh chủ yếu thuận lợi về cho điểm, chưa thật sự cụ thể, chính xác trong nhận xét năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn thiên về truyền tải nội dung; các hoạt động tập thể, hoạt động thực tế để học sinh vận dụng, trải nghiệm còn hạn chế. Việc phân công giáo viên phụ trách hoạt động này còn phụ thuộc vào phân công giảng dạy các môn học, dẫn đến một bộ phận giáo viên chưa thực sự quan tâm đúng mức.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về văn hóa học đường

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện văn hóa học đường theo đúng chỉ đạo của các cấp quản lý, gắn với nhiệm vụ năm học và điều kiện thực tế của đơn vị. Nội dung kế hoạch tập trung xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng ứng xử cho học sinh.

- Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về văn hóa học đường được lồng ghép hiệu quả trong sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt cuối tuần, hoạt động trải nghiệm và các phong trào thi đua; gắn giáo dục đạo đức, kỹ năng sống với việc giáo dục truyền thống và giá trị văn hóa.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc chuẩn mực đạo đức nhà giáo, có ý thức trách nhiệm trong công việc, góp phần xây dựng hình ảnh nhà trường văn minh, kỷ cương, thân thiện.

- Trong học kỳ I, nhà trường đã phối hợp với Công an xã Tiên Phước tổ chức 01 đợt tuyên truyền về an toàn giao thông, phòng chống ma túy và Luật An ninh mạng; phối hợp với Hội Cựu chiến binh và Ban Chỉ huy quân sự xã tổ chức 01 buổi tuyên truyền kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12), giáo dục truyền thống lịch sử địa phương và đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”; phối hợp với Đoàn Thanh niên xã tổ chức 01 buổi tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền quốc gia, biên giới, biển đảo. Bên cạnh đó, nhà trường duy trì sinh hoạt chuyên đề “Mỗi tuần một câu chuyện đẹp, một cuốn sách hay, một tấm gương sáng”; phối hợp với ngành y tế tổ chức truyền thông về sức khỏe sinh sản vị thành niên, Luật Trẻ em và phòng, chống các loại dịch bệnh.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc tổ chức một số hoạt động xây dựng văn hóa học đường còn chưa đa dạng về hình thức; hiệu quả giáo dục chưa đồng đều giữa các khối lớp. Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong giáo dục văn hóa học đường cho học sinh có thời điểm chưa thật sự chặt chẽ.

II. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển năng lực số

1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường đã cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn chuyên môn do các cấp tổ chức; chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, kế hoạch bài dạy (giáo án) đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, hình thức và kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Tiến trình dạy học trong mỗi bài được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể; có cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học trực tiếp.

- Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo yêu cầu về phương pháp, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu hiện có tại cơ sở giáo dục nhằm đảm bảo dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Các tổ chuyên môn đã tổ chức các chuyên đề về phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh, lấy học sinh làm trung tâm thông qua chuỗi các hoạt động học.

- Giáo viên bộ môn chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học, dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành.

- Các tổ chuyên môn, nhóm chuyên môn tổ chức thao giảng, báo cáo chuyên đề, dự giờ minh họa đi sâu vào các phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm tăng cường phát huy tính chủ động, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành hoạt động học của học sinh ở trên lớp và ngoài lớp học như tạo cho học sinh tự chất vấn, đối thoại lẫn nhau, đối thoại cùng giáo viên để tìm ra chân lý của bài học.

- Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- 100% giáo viên nhà trường được tham gia các lớp tập huấn chuyên môn theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; giáo viên nắm vững về phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc vận dụng một số phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực ở một số tiết học còn cần tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp hơn với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

a) Kết quả thực hiện

- Thực hiện Công văn số 1590/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 09/10/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện kiểm tra đánh giá cấp THCS, THPT năm học 2025-2026, Công văn số 1728/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 17/10/2025 của Sở GDĐT Đà Nẵng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ các môn học và hoạt động giáo dục cấp THCS, THPT năm học 2025-2026.

- Thực hiện Công văn số 2164/SGDĐT-GDTrH&HSSV ngày 11/11/2025 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra cuối kì I năm học 2025-2026.

- Về chế độ cột điểm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về Quy định đánh giá học sinh THCS và học sinh trung học phổ thông.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kỳ theo điểm số (trên giấy hoặc trên máy tính), việc xây dựng ma trận và đặc tả đề kiểm tra có tỉ lệ phù hợp giữa câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ I nhà trường chỉ đạo ra đề kiểm tra đảm bảo đúng theo quy định. Quy trình ra đề kiểm tra đảm bảo theo chỉ đạo cấp trên.

- Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 106/KH-LTT ngày 29/11/2025 về kiểm tra cuối học kì I năm học 2025-2026 đã triển khai đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường và tổ chức thực hiện đảm bảo kế hoạch; ra Quyết định thành lập Ban ra đề và rà soát, duyệt đề kiểm tra, tổ in sao đề, Hội đồng coi kiểm tra và Hội đồng chấm đảm bảo đúng thành phần và đảm bảo quy định; thiết lập đầy đủ các loại biên bản kiểm tra cuối học kì I.

- Trong quá trình tổ chức kiểm tra không có dấu hiệu bất thường xảy ra; giáo viên được phân công làm nhiệm vụ kiểm tra cuối học kì thực hiện tốt tinh thần chỉ đạo của nhà trường; về phía học sinh thực hiện tốt quy chế kiểm tra không có học sinh nào vi phạm quy chế.

b) Tồn tại, hạn chế

Hình thức đánh giá chưa thật sự đa dạng.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh theo quy định.

- Lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học, hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm.

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, tuyên truyền giúp học sinh nhận thức được năng lực, sở thích, nhu cầu xã hội và định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

- Phối hợp với phụ huynh trong công tác tư vấn, định hướng học tập, nghề nghiệp cho học sinh.

- Bước đầu góp phần nâng cao nhận thức của học sinh về phân luồng sau tốt nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế

Không có

4. Thực hiện giáo dục kĩ năng số, triển khai học bạ số

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lí và dạy học theo chỉ đạo của ngành.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lí, giáo viên về Khung năng lực số; hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác chuyên môn và quản lí giáo dục.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lí nhà trường.

- Triển khai thực hiện học bạ số theo hướng dẫn; giáo viên thực hiện cập nhật, quản lí dữ liệu học sinh đảm bảo đúng quy định.

- Khuyến khích giáo viên sử dụng các nền tảng số, phần mềm dạy học; bước đầu tiếp cận, khai thác hiệu quả các công cụ AI nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Nhà trường đã sử dụng phần mềm vnedu.vn của VNPT trong việc sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, cập nhật và sử dụng dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên trên CSDL ngành. Hồ sơ sổ sách điện tử được giáo viên thực hiện đảm bảo, thuận tiện trong quá trình tổng hợp và quản lí. Sử dụng học bạ số, học bạ pdf ở các khối lớp 6,7, 8. Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên đưa kế hoạch bài dạy, đề kiểm tra, sáng kiến... lên phần mềm Vnedu, Website nhà trường.

b) Tồn tại, hạn chế

- Kĩ năng số của một bộ phận giáo viên, học sinh chưa đáp ứng yêu cầu hiện tại, còn cần tiếp tục được bồi dưỡng, nâng cao.

- Việc ứng dụng AI và các nền tảng số trong dạy học, quản lí chưa thật sự đồng đều, còn phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin của nhà trường.

5. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi

- Nhà trường tham gia đầy đủ, nghiêm túc các kì thi, cuộc thi do các cấp tổ chức theo đúng quy định.

- Tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi: Cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh.

- 100% học sinh tham gia các hoạt động trọng điểm; nhiều tập thể lớp và học sinh đạt thành tích trong hội thi các cấp:

- + Thi vẽ tranh đạt giải triển lãm tranh “Tự hào Đà Nẵng quê hương “Cấp thành phố.

- + Thi đội viên Đà Nẵng đa tài đạt giải nhất cấp thành phố.

- + Thi sân chơi tiếng anh cấp thành phố 1 em HS đã đạt giải Ba.

- + Tham gia thi cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố đạt giải Tư.

III. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

1. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ngay từ đầu năm học; thực hiện đầy đủ hồ sơ PCGD, XMC theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các đoàn thể và Ban đại diện cha mẹ học sinh trong công tác điều tra, cập nhật dữ liệu và huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp. Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD, XMC; triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cấp, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục bắt buộc trên địa bàn.

- Công tác điều tra, cập nhật, nhập dữ liệu phổ cập giáo dục được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

- Được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 theo đoàn kiểm tra của Sở giáo dục thành phố Đà Nẵng.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc duy trì sĩ số học sinh có thời điểm chưa thực sự hiệu quả; trong học kì có 01 học sinh bỏ học.

Nguyên nhân: Một số học sinh chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập đối với bản thân và gia đình.

Giải pháp: Tiếp tục tăng cường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể địa phương và gia đình để tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp, hạn chế tình trạng bỏ học.

2. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

a) Kết quả thực hiện

- Hiện nay, nhà trường có 19 học sinh khuyết tật học hòa nhập ở các khối lớp 6, 7, 8, 9 (gồm 12 HSKT trí tuệ, 2 HSKT vận động, 2 HSKT nghe nói, 1 HSKT thân thể và 2 HSKT dạng khác). Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên về công tác giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập; đồng thời gửi đầy đủ danh sách và hồ sơ khuyết tật của từng học sinh để giáo viên nắm rõ đặc điểm, nhu cầu của từng đối tượng.

- Trên cơ sở hồ sơ khuyết tật, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho từng học sinh khuyết tật. Giáo viên bộ môn căn cứ kế hoạch này để điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học, chú trọng yêu cầu học sinh đạt mức độ nhận biết, thông hiểu; đồng thời tăng cường giáo dục kỹ năng xã hội, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp và tham gia các hoạt động tập thể. Nhà trường thường xuyên theo dõi, động viên và tạo điều kiện để các em được đến trường đầy đủ.

- Công tác chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy, kiểm tra đánh giá đối với học sinh khuyết tật được thực hiện nghiêm túc, hồ sơ quản lý được thiết lập đầy đủ theo quy định. Trong kiểm tra, đánh giá, giáo viên có đề kiểm tra phù hợp riêng cho học sinh khuyết tật, chú trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số học sinh khuyết tật có tâm lý chưa ổn định, còn vi phạm nội quy nhà trường. Khả năng tiếp thu của học sinh chậm, giáo viên giảng dạy các lớp có học sinh khuyết tật hòa nhập phải dành nhiều thời gian hỗ trợ, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ chung của tiết học.

3. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục dân tộc

a) Kết quả thực hiện

Nhà trường triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo về công tác giáo dục dân tộc; quan tâm tạo điều kiện để học sinh dân tộc thiểu số được học tập bình đẳng, hòa nhập trong môi trường giáo dục chung. Đối với 01 học sinh dân tộc thiểu số đang học tại trường, nhà trường và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên theo dõi, động viên, hỗ trợ trong học tập và rèn luyện; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách (nếu có) theo quy định. Trong quá trình dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục, giáo viên chú trọng lồng ghép nội dung giáo dục truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần nâng cao ý thức đoàn kết, tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong học sinh.

b) Tồn tại, hạn chế

Do số lượng học sinh dân tộc thiểu số ít, việc tổ chức các hoạt động giáo dục chuyên đề riêng về giáo dục dân tộc còn hạn chế.

IV. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra

1. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản lí, quản trị theo hướng khoa học, dân chủ, công khai và hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của cán bộ quản lí, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch giáo dục nhà trường được triển khai nghiêm túc, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lí được đẩy mạnh; thực hiện quản lí hồ sơ, dữ liệu, báo cáo trên các hệ thống thông tin của ngành; tăng cường trao đổi, chỉ đạo điều hành thông qua môi trường số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường. Công tác chỉ đạo chuyên môn được thực hiện thường xuyên, kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp, đảm bảo chất lượng dạy học và giáo dục học sinh.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số cán bộ, giáo viên còn lúng túng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lí và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2. Công tác kiểm tra, giám sát

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ theo đúng quy định; thực hiện kiểm tra thường xuyên và định kỳ đối với hoạt động chuyên môn, công tác chủ nhiệm, việc thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách và các nhiệm vụ được phân công. Qua công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế; đồng thời tư vấn, hỗ trợ giáo viên nâng cao chất lượng dạy học và hiệu quả công tác giáo dục.

- Công tác tự kiểm tra của các tổ chuyên môn và cá nhân được tăng cường; việc theo dõi, đôn đốc sau kiểm tra được chú trọng, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ cương, nề nếp trong nhà trường.

b) Tồn tại, hạn chế

Không có

3. Tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến

a) Kết quả thực hiện

- Nhà trường tổ chức phát động và triển khai hiệu quả các phong trào thi đua theo chủ đề năm học và các cuộc vận động của ngành giáo dục; gắn thi đua với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia các phong trào thi đua, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Công tác phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu được quan tâm; từng bước nhân rộng các điển hình tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua trong toàn trường.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số phong trào thi đua chưa tạo được sức lan tỏa mạnh mẽ; việc nhân rộng các điển hình tiên tiến còn hạn chế.

V. Kết quả học tập, rèn luyện của từng khối lớp, toàn trường

1. Kết quả học tập

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		879	408	46,42%	259	29,47%	293	33,33%	258	29,35%	69	7,85%
Khối 6		211	97	45,97%	60	28,44%	67	31,75%	63	29,86%	21	9,95%
1	6/1	35	16	45,71%	12	34,29%	11	31,43%	11	31,43%	1	2,86%
2	6/2	35	17	48,57%	11	31,43%	14	40,00%	7	20,00%	3	8,57%
3	6/3	36	16	44,44%	11	30,56%	10	27,78%	13	36,11%	2	5,56%
4	6/4	35	16	45,71%	11	31,43%	9	25,71%	11	31,43%	4	11,43%
5	6/5	35	16	45,71%	9	25,71%	11	31,43%	6	17,14%	9	25,71%
6	6/6	35	16	45,71%	6	17,14%	12	34,29%	15	42,86%	2	5,71%
Khối 7		222	108	48,65%	64	28,83%	82	36,94%	59	26,58%	17	7,66%
7	7/1	37	17	45,95%	8	21,62%	11	29,73%	15	40,54%	3	8,11%
8	7/2	37	18	48,65%	9	24,32%	19	51,35%	6	16,22%	3	8,11%
9	7/3	37	17	45,95%	9	24,32%	14	37,84%	11	29,73%	3	8,11%
10	7/4	37	19	51,35%	14	37,84%	14	37,84%	5	13,51%	4	10,81%
11	7/5	37	18	48,65%	13	35,14%	11	29,73%	11	29,73%	2	5,41%
12	7/6	37	19	51,35%	11	29,73%	13	35,14%	11	29,73%	2	5,41%
Khối 8		245	114	46,53%	70	28,57%	81	33,06%	76	31,02%	18	7,35%
13	8/1	36	18	50,00%	12	33,33%	4	11,11%	17	47,22%	3	8,33%
14	8/2	35	15	42,86%	8	22,86%	10	28,57%	15	42,86%	2	5,71%
15	8/3	35	15	42,86%	11	31,43%	11	31,43%	12	34,29%	1	2,86%
16	8/4	34	16	47,06%	10	29,41%	11	32,35%	9	26,47%	4	11,76%
17	8/5	36	16	44,44%	13	36,11%	14	38,89%	7	19,44%	2	5,56%
18	8/6	34	18	52,94%	7	20,59%	17	50,00%	7	20,59%	3	8,82%
19	8/7	35	16	45,71%	9	25,71%	14	40,00%	9	25,71%	3	8,57%
Khối 9		201	89	44,28%	65	32,34%	63	31,34%	60	29,85%	13	6,47%
20	9/1	35	15	42,86%	15	42,86%	8	22,86%	10	28,57%	2	5,71%
21	9/2	35	16	45,71%	9	25,71%	13	37,14%	11	31,43%	2	5,71%
22	9/3	33	14	42,42%	11	33,33%	8	24,24%	12	36,36%	2	6,06%
23	9/4	32	14	43,75%	10	31,25%	12	37,50%	8	25,00%	2	6,25%
24	9/5	33	14	42,42%	9	27,27%	11	33,33%	9	27,27%	4	12,12%
25	9/6	33	16	48,48%	11	33,33%	11	33,33%	10	30,30%	1	3,03%

2. Kết quả rèn luyện

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		879	408	46,42%	860	97,84%	19	2,16%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 6		211	97	45,97%	207	98,10%	4	1,90%	0	0,00%	0	0,00%
1	6/1	35	16	45,71%	35	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
2	6/2	35	17	48,57%	35	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
3	6/3	36	16	44,44%	35	97,22%	1	2,78%	0	0,00%	0	0,00%
4	6/4	35	16	45,71%	35	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
5	6/5	35	16	45,71%	33	94,29%	2	5,71%	0	0,00%	0	0,00%
6	6/6	35	16	45,71%	34	97,14%	1	2,86%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 7		222	108	48,65%	219	98,65%	3	1,35%	0	0,00%	0	0,00%
7	7/1	37	17	45,95%	35	94,59%	2	5,41%	0	0,00%	0	0,00%
8	7/2	37	18	48,65%	37	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
9	7/3	37	17	45,95%	37	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
10	7/4	37	19	51,35%	36	97,30%	1	2,70%	0	0,00%	0	0,00%
11	7/5	37	18	48,65%	37	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
12	7/6	37	19	51,35%	37	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 8		245	114	46,53%	237	96,73%	8	3,27%	0	0,00%	0	0,00%
13	8/1	36	18	50,00%	34	94,44%	2	5,56%	0	0,00%	0	0,00%
14	8/2	35	15	42,86%	31	88,57%	4	11,43%	0	0,00%	0	0,00%
15	8/3	35	15	42,86%	35	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
16	8/4	34	16	47,06%	34	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
17	8/5	36	16	44,44%	36	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
18	8/6	34	18	52,94%	33	97,06%	1	2,94%	0	0,00%	0	0,00%
19	8/7	35	16	45,71%	34	97,14%	1	2,86%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		201	89	44,28%	197	98,01%	4	1,99%	0	0,00%	0	0,00%
20	9/1	35	15	42,86%	33	94,29%	2	5,71%	0	0,00%	0	0,00%
21	9/2	35	16	45,71%	35	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
22	9/3	33	14	42,42%	33	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
23	9/4	32	14	43,75%	32	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
24	9/5	33	14	42,42%	32	96,97%	1	3,03%	0	0,00%	0	0,00%
25	9/6	33	16	48,48%	32	96,97%	1	3,03%	0	0,00%	0	0,00%

D. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong học kì I năm học 2025-2026, Trường THCS Lý Tự Trọng đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trung học theo đúng chỉ đạo của các cấp quản lý và kế hoạch giáo dục nhà trường đã đề ra. Quy mô trường, lớp với 25 lớp, 879 học sinh cơ bản ổn định; công tác huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số được quan tâm thực hiện, có sự phối hợp giữa nhà trường với chính quyền địa phương và các đoàn thể.

Công tác quản lý, quản trị nhà trường tiếp tục được đổi mới theo hướng khoa học, dân chủ và hiệu quả; việc xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo

dục nhà trường được triển khai đồng bộ, đúng tiến độ. Nền nếp, kỷ cương trong dạy học và các hoạt động giáo dục được duy trì; ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên từng bước được nâng cao. Hoạt động sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Hoạt động dạy học được tổ chức đúng chương trình, kế hoạch; việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được thực hiện nghiêm túc ở các khối lớp. Đa số học sinh có ý thức học tập, rèn luyện tốt, chấp hành nội quy trường, lớp; công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa học đường được lồng ghép hiệu quả thông qua các môn học, hoạt động trải nghiệm và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Nhà trường đạt được một số kết quả tích cực trong việc tham gia các cuộc thi, phong trào do các cấp tổ chức.

Công tác giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm thực hiện đúng quy định. Nhà trường hiện có 19 học sinh khuyết tật học hòa nhập và 01 học sinh dân tộc thiểu số, được theo dõi, hỗ trợ trong học tập và rèn luyện; các chế độ, chính sách đối với học sinh được triển khai đầy đủ, kịp thời. Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì, địa phương được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn còn một số hạn chế. Trong học kỳ I còn 01 học sinh bỏ học, công tác duy trì sĩ số học sinh ở một số thời điểm chưa thật sự bền vững. Đội ngũ giáo viên chưa thật sự ổn định, còn nhiều giáo viên hợp đồng; thiết bị dạy học đối với các lớp 8, 9 theo Chương trình GDPT 2018 chưa được cấp đầy đủ. Việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá ở một số giáo viên chưa đồng đều; một bộ phận học sinh ý thức tự học, tự rèn luyện chưa cao.

Nhà trường nghiêm túc nhìn nhận những tồn tại, hạn chế nêu trên, tiếp tục rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành; đồng thời triển khai các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường phối hợp với gia đình và địa phương để duy trì sĩ số và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học trong thời gian tới.

E. NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN TRONG HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025-2026

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch năm học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả; đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn; tổ chức tốt việc tham gia các kì thi, hội thi, cuộc thi do các cấp tổ chức.

- Tiếp tục tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cấp quản lý giáo dục trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, quản trị và hoạt động dạy học; khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, phần mềm dùng chung của ngành giáo dục. Thực hiện quản lý hồ sơ, dữ liệu giáo dục trên môi trường số; nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, từng bước hình thành môi trường giáo dục số trong nhà trường. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn trường học.

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, đặc biệt đối với học sinh khối 9.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trường học; thực hiện nghiêm túc công tác thi đua, khen thưởng, kịp thời động viên, khích lệ cán bộ, giáo viên và học sinh hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục tổ chức dạy học theo đúng chương trình, kế hoạch giáo dục nhà trường; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì và đẩy mạnh công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu; tiếp tục tổ chức dạy bổ trợ cho học sinh lớp 9 nhằm nâng cao chất lượng thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông.

- Tăng cường đầu tư, bổ sung sách, tài liệu cho thư viện nhà trường; tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên và học sinh khai thác, sử dụng hiệu quả phục vụ công tác dạy và học.

- Tiếp tục tham mưu với địa phương và các cấp quản lý giáo dục trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tại địa phương, xây dựng kế hoạch và tổ chức họp Ban chỉ đạo nhằm triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS.

- Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tăng cường công tác vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng.

- Tiếp tục triển khai, sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành, học bạ số, sổ điểm điện tử, hồ sơ điện tử; thực hiện cập nhật, khai thác và bảo đảm tính chính xác, kịp thời của dữ liệu. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực số cho cán bộ

quản lí, giáo viên; khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các công cụ số trong soạn giảng, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Tăng cường sử dụng các nền tảng dạy học trực tuyến, học liệu số, thư viện số; xây dựng, chia sẻ kho học liệu dùng chung trong nhà trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra nội bộ, sinh hoạt chuyên môn, hội họp và trao đổi thông tin; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu theo quy định.

- Đổi mới việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí tự chủ và huy động sự phối hợp, đóng góp hợp pháp của phụ huynh học sinh để tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại, trải nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng sống và hiểu biết thực tiễn cho học sinh; thực hiện tốt công tác tư vấn, định hướng phân luồng học sinh khối 9.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên viết và hoàn thiện sáng kiến kinh nghiệm đúng quy định; thực hiện công tác đánh giá, xếp loại thi đua đảm bảo công bằng, khách quan; kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên những cá nhân có nhiều đóng góp, tạo động lực để đội ngũ cán bộ, giáo viên tiếp tục nỗ lực, cống hiến.

E. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng tiếp tục quan tâm chỉ đạo, tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lí và giáo viên; tăng cường bồi dưỡng về chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong quản lí và dạy học.

Đề nghị cấp trên sớm cấp bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu cho các lớp 8 và 9 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tạo điều kiện để nhà trường tổ chức dạy học đảm bảo chất lượng.

Kính đề nghị UBND xã Tiên Phước và các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giáo dục của nhà trường; phối hợp chặt chẽ trong công tác huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học, học kì I năm học 2025-2026 của trường THCS Lý Tự Trọng. Kính báo cáo lãnh đạo quý cấp được biết để theo dõi và chỉ đạo trong thời gian đến./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã;
- Lưu VT.


Lê Thị Hồng Vinh